

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 – ĐỀ 3**MÔN: TIẾNG ANH 4 PHONICS SMART****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****LỜI GIẢI CHI TIẾT****Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com****I. Odd one out.***(Chọn từ khác.)*

1.

chase (v): đuổi theo

chicken (n): con gà

climb (v): leo trèo

Giải thích: Đáp án B là danh từ, các phương án còn lại đều là những động từ.**=> Chọn B**

2.

fur (n): lông (của động vật)

bored (adj): (cảm thấy) buồn chán

hungry (adj): đói

Giải thích: Đáp án A là danh từ, các phương án còn lại đều là những tính từ.**=> Chọn A**

3.

make (v): làm

jump (v): nhảy

aquarium (n): thủy cung

Giải thích: Đáp án C là danh từ, các phương án còn lại đều là những động từ.**=> Chọn C**

4.

library (n): thư viện

teeth (n): răng

cinema (n): rạp chiếu phim

Giải thích: Đáp án B là danh từ chỉ bộ phận trên cơ thể người, những phương án còn lại đều là những danh từ chỉ địa điểm.

=> **Chọn B**

5.

poster (n): áp phích

badminton (n): môn cầu lông

basketball (n): môn bóng rổ

Giải thích: Đáp án A là danh từ chỉ đồ vật, những phương án còn lại đều là những danh từ chỉ các môn thể thao.

=> **Chọn A**

II. Choose the correct answer.

1.

animal (n): động vật

weather (n): thời tiết

insects (n): côn trùng

Câu trúc hỏi về thời tiết:

What is the **weather** like today? - It's hot.

(Thời tiết hôm nay thế nào? - Trời nóng.)

=> **Chọn B**

2.

Khi thành lập câu hỏi dùng động từ thường với chủ ngữ "you", ta cần dùng trợ động từ "do".

Do you play basketball after school?

(Bạn có chơi bóng rổ sau giờ học không?)

=> **Chọn C**

3.

Ta dùng "in" với các tháng trong năm.

His birthday is **in** July.

(Sinh nhật của anh ấy vào tháng Bảy.)

=> **Chọn B**

4.

should + V nguyên thể: nên làm gì

You should **brush** you teeth twice a day.

(Bạn nên đánh răng ngày 2 lần.)

=> **Chọn A**

5.

by + phương tiện: di chuyển bằng phương tiện gì

I travel to the village **by** bike.

(Tôi đi đến ngôi làng bằng xe đạp.)

=> **Chọn B**

III. Read and complete.

Hi Charlie,

How are you? What's the weather like in your city? It was rainy yesterday here, so I stayed at home all day. Today is cold. There is a lot of snow and ice outside. I want to skate with my father today, but he is playing the piano with his friends. Can you skate? Do you want to travel to my town and skate with me? We can skate and play chess. What do you think about it?

Write to me soon.

Tim

Tạm dịch:

Chào Charlie,

Bạn có khỏe không? Thời tiết ở thành phố của bạn như thế nào? Hôm qua ở đây mưa nên tớ đã ở nhà cả ngày. Hôm nay thì trời lạnh. Bên ngoài có rất nhiều tuyết và băng. Hôm nay tớ muốn đi trượt băng với anh trai nhưng anh ấy lại đang chơi piano với bạn bè. Cậu có thể trượt băng không? Cậu có muốn đến thị trấn của tớ và trượt băng cùng tớ không? Chúng ta có thể trượt băng và chơi cờ cùng nhau. Cậu nghĩ sao?

Viết thư cho tớ sớm nhé.

Tim

1. It was **rainy** yesterday.

(Hôm qua trời mưa.)

2. Today is **cold**.

(Hôm nay trời lạnh.)

3. Tim wants to **skate** with his brother.

(Tim muốn trượt băng cùng anh trai.)

4. His brother is playing the **piano** with his friends.

(Anh trai cậu ấy đang chơi piano cùng bạn bè.)

5. Tim want Charlie to play **chess** with him.

(Tim muốn Charlie chơi cờ cùng mình.)

IV. Rearrange the words to make correct sentences.

1. play/ I'd/ chess./ to/ like

I'd like to play chess.

(Tôi muốn chơi cờ.)

2. were/ yesterday?/ Eddie and Mia/ Where

Where were Eddie and Mia yesterday?

(Hôm qua Eddie Mia đã ở đâu vậy?)

3. because/ I/ they/ big/ like/ rhinos/ horns./have

I like rhinos because they have big horns.

(Tôi thích những con tê giác bởi vì chúng có chiếc sừng to.)

4. are/ doing?/ the/ What/ rabbits

What are the rabbits doing?

(Những con thỏ đang làm gì vậy?)

5. like/ Does/ going/ Jane/ fishing?

Does Jane like going fishing?

(Jane có thích đi câu cá không?)